

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 514/2019/QĐST-HN ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc G, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số 154, tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 154, tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đặng Ngọc G trình bày: Chị G với ông Dương Văn V quen biết nhau, yêu nhau và tự về sống chung với nhau vào năm 2005 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức lễ cưới, khi hai người về sống chung thì sống bên quê nội ông V tại xã Phú Hội, huyện An Phú. Cuộc sống quá vất vả nên đến năm 2009 thì chị G với ông V về cất nhà ở phía sau nhà mẹ chị tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2010 thì được nhà nước bán cho một cái nền tại tuyến dân cư chợ Vĩnh

Hòa, đến năm 2011 thì ông V kêu chị bán nền để trả nợ và chị G đã bán, chị đã trả nợ cho nhà nước xong phần cái nền. Kể từ đó chị G với ông V xảy ra mâu thuẫn và ông V đánh đập chị thường xuyên, chị với ông V không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị G xin được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Chị G với ông V có một đứa con chung tên Đặng Trung N, sinh ngày 10/01/2010 con đang sống với ông V, khi ly hôn chị G đồng ý giao con cho ông V nuôi dưỡng và chị G không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G với ông V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G với ông V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, ông Dương Văn V được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình.

Biên bản xác minh ngày 18/9/2019 của bà Đinh Thị B là mẹ ruột chị G cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị G với ông V thể hiện: Chị G với ông Dương Văn V tự về sống chung với nhau vào năm 2005 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức lễ cưới. Chị G và ông V về cất nhà ở phía sau nhà bà B tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, sống nghề làm thuê tại địa phương, đến năm 2014 thì G và V lên tỉnh Bình Dương làm công nhân

Kể từ đó G với ông V xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V sinh tật ăn chơi, ông V đánh đập chị G thường xuyên, chị G với ông V không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay do chị G sợ quá nên bỏ đi. Theo bà B giữa chị G với ông V sống không có hạnh phúc Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Biên bản xác minh ngày 18/9/2019 của Công an xã Vĩnh Hòa thể hiện: Ông Dương Văn V có hộ khẩu tại số 154, tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện ông V vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên. Ông V đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Ông V không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do ông V vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố hai biên bản xác minh cùng ngày 18/9/2019 của Công an và UBND xã Vĩnh Hòa.

Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu, ông V vắng mặt,

Chị G xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; ông V không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Đặng Ngọc G và ông Dương Văn V không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2016 giữa chị G với ông V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hiểu nhau và hai người không còn sống chung đến nay. Do hai người không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận giữa chị G với ông V là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G với ông V có 01 con chung tên Đặng Trung N, sinh ngày 10/01/2010 con đang sống với ông V. Đề nghị giao cho ông V nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Đặng Ngọc G khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với ông Dương Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 154, tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Dương Văn V vắng mặt, không lý do. Biên bản xác minh ngày 18/9/2019 của Công an xã Vĩnh Hòa thể hiện: Ông Dương Văn V có hộ khẩu tại số 154, tổ 5, ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện ông V vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên. Ông V đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Ông V không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị G với ông Dương Văn V quen biết nhau, yêu nhau và tự về sống chung với nhau vào năm 2005 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức lễ cưới, khi hai người về sống chung thì

sống bên quê nội ông V tại xã Phú Hội, huyện An Phú. Cuộc sống quá vất vả nên đến năm 2009 thì chị G với ông V về cất nhà ở phía sau nhà mẹ chị tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2010 thì được nhà nước bán cho một cái nền tại tuyến dân cư chợ Vĩnh Hòa, đến năm 2011 thì ông V kêu chị bán nền để trả nợ và chị G đã bán, chị đã trả nợ cho nhà nước xong phần cái nền. Kể từ đó chị G với ông V xảy ra mâu thuẫn và ông V đánh đập chị thường xuyên, chị với ông V không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị G xin được ly hôn với ông V.

Biên bản xác minh ngày 18/9/2019 của bà Đinh Thị B là mẹ ruột chị G cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị G với ông V thể hiện: Chị G với ông Dương Văn V tự về sống chung với nhau vào năm 2005 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức lễ cưới. Chị G và ông V về cất nhà ở phía sau nhà bà B tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, sống nghề làm thuê tại địa phương, đến năm 2014 thì G và V lên tỉnh Bình Dương làm công nhân

Kể từ đó G với ông V xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V sinh tật ăn chơi, ông V đánh đập chị G thường xuyên, chị G với ông V không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay do chị G sợ quá nên bỏ đi. Theo bà B giữa chị G với ông V sống không có hạnh phúc Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Như vậy cho thấy giữa chị G với ông V, hai sống chung với nhau vào năm 2005, khi đó cả hai người đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa chị G với ông V không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa chị G với ông V không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa chị G với ông V là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Chị G khai, trong thời kỳ sống chung, chị G với ông V có 01 con chung tên Đặng Trung N, sinh ngày 10/01/2010 con đang sống với ông V, khi ly hôn chị G đồng ý giao con cho ông V nuôi dưỡng và chị G không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, cháu N đang sống chung với ông V, không có mặt ở địa phương nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và nguyện vọng của cháu N, nay chị G đồng ý giao con cho ông V nuôi dưỡng và chị G không cấp dưỡng nuôi con, thấy phù hợp được Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G khai giữa chị với ông V không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này ông V cho rằng trong thời gian chung sống giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì ông V vẫn có quyền khởi kiện chị G yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đặng Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Dương Văn V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: không công nhận giữa chị Đặng Ngọc G với ông Dương Văn V là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Đặng Ngọc G giao cháu Đặng Trung N, sinh ngày 10/01/2010 cho ông Dương Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị G trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này ông Dương Văn V cho rằng trong thời gian chung sống giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì ông V vẫn có quyền khởi kiện chị G yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0002093 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Ông Dương Văn V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đặng Ngọc G có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Dương Văn V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh